

Bản án số: 26/2018/DS-ST

Ngày 18/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND huyện L tham gia phiên tòa:*** Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST- HĐVTS ngày 16/05/2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/QĐXX - DS ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn B sinh năm 1956

Địa chỉ: Số nhà 612, phố Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Bá T sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà 273, phố B1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị L1 sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 273, phố B1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/4/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày: Do mối quan hệ anh em chơi tình cảm với nhau, ngày 08/8/2012 âm lịch tức ngày 23/9/2012 dương lịch ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 đều địa chỉ ở số nhà 273, phố B1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vay số tiền là 183.600.000đ, hai bên có lập giấy tờ vay mượn và lãi suất thỏa thuận là 0,2%/tháng. Về thời hạn thanh toán, sang tháng 09/2012 âm lịch tức tháng 10/2012 dương lịch thì vợ chồng ông T

phải trả ông tiền gốc và lãi suất. Giấy biên nhận vay tiền do trực tiếp ông T viết và ký tên. Quá thời hạn theo hai bên thỏa thuận, vợ chồng ông T đã không trả tiền ông, ông đã yêu cầu nhiều lần ông T, bà L1 phải thanh toán trả ông tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trên nhưng vợ chồng ông T không trả. Đến ngày 06/11/2014 thì vợ chồng ông T có trả ông được 12.000.000đ tiền lãi, số tiền này do trực tiếp bà L1 cầm trả ông và có viết giấy thanh toán trả do bà L1 viết. Nay ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà L1 phải có trách nhiệm thanh toán trả ông số tiền gốc là 183.600.000đ và lãi suất theo thỏa thuận 0,2%/tháng kể từ ngày 01/11/2012 dương lịch đến ngày 18/9/2018. Được tổng số tiền lãi bao nhiêu đề nghị Tòa án trừ vào số tiền 12.000.000đ mà vợ chồng ông T, bà L1 đã trả ngày 06/11/2014, còn lại lãi thì trả ông cùng với số tiền gốc.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T vẫn có mặt tại địa phương, Tòa án đã thông báo và giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T do bà L1 là vợ nhận thay. Trong các bản lấy lời khai bà L1 trình bày đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông T, ông T đã nhận nhưng đến nay ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày trong biên bản lấy lời khai: Việc ông B cho chồng bà là ông Nguyễn Văn T vay số tiền 183.600.000đ ngày 08/8/2012 bà không được biết, số tiền này ông T không mang về nhà để sử dụng mục đích chung. Có một lần thời gian rất lâu ông T về đưa cho bà số tiền 12.000.000đ nhờ bà trả cho vợ chồng ông B và có giấy viết ông B nhận số tiền trên của bà. Việc làm ăn kinh tế giữa bà và ông T không còn L1 quan gì đến nhau bởi vì vợ chồng bà đã ly thân. Nay ông B yêu cầu bà cùng có trách nhiệm cùng với ông T thanh toán trả ông B tiền gốc và tiền lãi, bà không nhất trí.

Tại phiên tòa hôm nay bà L1 vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến, thư ký, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan không nghiêm túc chấp hành, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án và Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán trả cho ông Lê Văn B tổng số tiền gốc là 183.600.000đ, số tiền lãi là 13.912.080đ, tổng số tiền gốc và tiền lãi là 197.512.080đ (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi đồng).

Án phí: Ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 9.875.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Nguyễn Bá T, người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông T, bà L1 vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ vào giấy nợ tiền ghi ngày 08/8/2012 âm lịch, ông Nguyễn Bá T có nợ vợ chồng ông Lê Văn B tổng số tiền là 183.600.000đ (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận trong giấy ghi nhận nợ, về lãi suất là 0,2%/tháng, thời hạn thanh toán là sang tháng 09/2012 âm lịch thì ông T sẽ trả ông B số tiền trên. Sau quá hạn ông T không trả cho ông B theo như thỏa thuận trong giấy nhận nợ, ông B đã yêu cầu vợ chồng ông T trả tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông T đều khất hứa và lẩn tránh không muốn thanh toán trả. Cho đến ngày 06/11/2014 bà L1 là vợ ông T cầm số tiền 12.000.000đ trả cho ông B, giấy thanh toán số tiền 12.000.000đ do trực tiếp bà L1 viết. Sau đó vợ chồng ông T cũng không thanh toán trả cho ông B được số tiền nào nữa. Ông B đã yêu cầu vợ chồng ông T trả tiền nhưng vợ chồng ông T vẫn không trả tiếp. Nay ông B đề nghị Tòa án buộc ông T, bà L1 phải có trách nhiệm thanh toán trả ông B số tiền gốc 183.600.000đ và lãi suất 0,2%/tháng tính từ ngày 01/11/2012 đến khi xét xử vụ án. Song tổng số tiền lãi được trừ vào số tiền 12.000.000đ vợ chồng ông T, bà L1 đã trả ngày 06/11/2014, còn lại lãi thì trả ông B cùng với số tiền gốc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T thường xuyên có mặt tại địa phương, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà L1 là vợ nhận thay ông T, bà L1 cũng đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng trên cho ông T, ông T đã nhận. Nhưng đến nay ông T vẫn không đến Tòa án giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa.

HĐXX nhận thấy: Mặc dù không lấy được lời khai của ông T nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định ông T vay của ông B tổng số tiền là 183.600.000đ là đúng, đến nay chưa trả số tiền gốc trên theo đúng thời hạn ghi trong giấy nhận nợ. Do vậy nay buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán trả ông B số tiền gốc là 183.600.000đ và lãi suất là 0,2%/tháng kể từ ngày 01/11/2012 đến ngày 18/9/2018.

$183.600.000đ \times 0,2\%/tháng \times 70 tháng = 25.912.080đ$.

Tổng số tiền lãi là: 25.912.080đ nhưng được trừ vào số tiền 12.000.000đ vợ chồng ông T đã trả ngày 06/11/2014, còn lại số tiền lãi là: 13.912.080đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 197.512.080đ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B buộc bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ L1 đới cùng ông Nguyễn Bá T trả nợ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Ông B xác định mục đích cho ông T vay khoản tiền trên để ông T đầu tư vào phát triển kinh tế gia đình cụ thể là sản xuất gỗ để bán công trình. Mặc dù trong giấy vay tiền bà L1 không ký nhưng tại giấy trả nợ ghi ngày 06/11/2014 âm lịch ghi rõ “Em L1 có trả anh B số tiền 12.000.000đ do bà L1 trực tiếp ký nhận”. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc bà L1 phải có trách nhiệm L1 đới cùng ông T trả số tiền gốc và tiền lãi trên. Cụ thể số tiền gốc là 183.600.000đ, số tiền lãi là 13.912.080đ. Tổng số tiền gốc và lãi là: 197.512.080đ.

[4] *Về án phí*: Ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 9.875.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 478 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán trả cho ông Lê Văn B tổng số tiền gốc là 183.600.000đ, số tiền lãi là 13.912.080đ, tổng số tiền gốc và tiền lãi là 197.512.080đ (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,^a7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

2/ *Án phí*: Ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 9.875.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh ;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục T.H.A huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VP.

T/MH ĐƠN KẾT KIỆN SƠ TẮM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Toan
Hoàng Văn Toan

